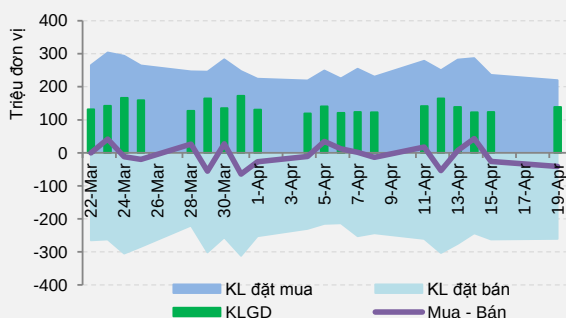
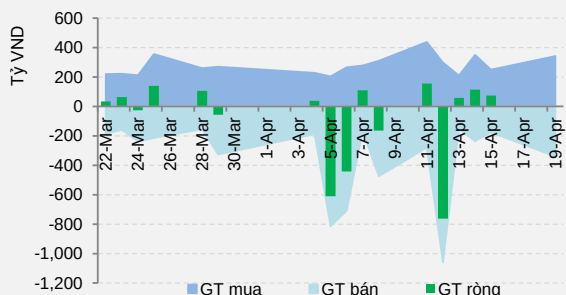


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/4/2016

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	568.28	79.42
% Thay đổi	↓ -2.00%	↓ -1.05%
KLGD (CP)	138,459,788	60,358,090
GTGD (tỷ đồng)	2,348.02	549.76
Tổng cung (CP)	260,641,430	73,091,300
Tổng cầu (CP)	219,613,310	67,694,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	9,669,154	1,369,538
KL mua (CP)	15,174,124	4,029,360
GTmua (tỷ đồng)	341.03	43.30
GT bán (tỷ đồng)	341.42	15.35
GT ròng (tỷ đồng)	(0.39)	27.94

Tương quan cung cầu

Giá trị Giao dịch NĐTNN


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.58%	10.2	1.9	4.0%
Công nghiệp	↓ -1.06%	11.8	1.8	21.0%
Dầu khí	↓ -5.56%	4.9	0.7	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.68%	20.0	3.5	1.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ -3.55%	20.3	2.5	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.79%	14.8	5.5	21.6%
Ngân hàng	↓ -0.60%	13.7	1.6	3.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.62%	12.1	1.9	17.3%
Tài chính	↓ -2.09%	20.0	2.5	20.6%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -3.64%	10.1	2.0	5.8%
VN - Index	↓ -2.00%	13.3	3.0	81.7%
HNX - Index	↓ -1.05%	10.8	1.8	18.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thiếu động lực duy trì đà tăng kết hợp với tâm lý chán nản của nhà đầu tư khi VN-Index liên tục test không thành công ngưỡng 580 điểm trong tuần giao dịch trước đã tạo nên phiên bán tháo mạnh nhất kể từ phiên giảm 3% ngày 18/1. Độ rộng thị trường có chiều hướng thu hẹp dần về cuối phiên kết hợp với biên độ điều chỉnh bị nới rộng cho thấy sự hoang mang của một bộ phận nhà đầu tư. Những Bluechips là trụ cột cho đà tăng của VN-Index trong thời gian qua như VNM, VIC, VCB, GAS đồng loạt giảm mạnh đã ảnh hưởng xấu lên chỉ số nói riêng và tâm lý thị trường nói chung. Điểm sáng duy nhất đến từ việc khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên ngày hôm nay. Chúng tôi cho rằng nhiều khả năng diễn biến rung lắc sẽ còn xuất hiện trong những phiên tới tuy nhiên khả năng rơi mạnh như phiên ngày hôm nay là không cao.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Rủi ro tại thời điểm hiện tại là khá cao, do vậy nhà đầu tư nên đưa tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục về mức an toàn, hạn chế hoạt động bắt đáy khi diễn biến thị trường vẫn rất khó lường.

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

Thị trường có phiên giao dịch tiêu cực khi nhóm cổ phiếu Bluechips đồng loạt điều chỉnh với biên độ khá rộng. Chốt phiên, VN-Index giảm 11,58 điểm, xuống còn 568,28 điểm. Khối lượng khớp lệnh tăng 8,7% so với phiên trước, đạt trên 125 triệu đơn vị. Tổng giá trị giao dịch đạt trên 2.348 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu dầu khí đồng loạt điều chỉnh sau khi cuộc đàm phán tại Dohar nhằm đóng băng sản lượng của các nước xuất khẩu dầu lớn thất bại: GAS (-2.000), PVD (-1.300), PXS (-400).

Nhóm cổ phiếu ngân hàng giao dịch linh xình: BID (-400), CTG (-200), STB (-100), VCB (-100).

Nhóm cổ phiếu trong rổ VN-30 có phiên giao dịch ảm đạm với 25 mã giảm, 2 mã tăng và 3 mã đứng giá: VNM (-4.000), BVH (-1.500), VIC (-2.300), MSN (-500), HCM (-1.500), CII (-500).

HNX-Index:

Diễn biến giao dịch trên HNX cũng không mấy khả quan khi áp lực bán tăng mạnh về cuối phiên khiến chỉ số mất mốc 80 điểm, chốt phiên ở 79,42 điểm, giảm 0,84 điểm. Khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước, đạt trên 41,7 triệu đơn vị. Tổng giá trị giao dịch đạt trên 549 tỷ đồng.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

19/4/2016

Nhóm cổ phiếu dầu khí chìm trong sắc đỏ: PVB (-1.100), PVC (-700), PVS (-400), PGS (-400), PLC (-1.200).

Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng đồng loạt điều chỉnh: CEO (-200), HUT (-300), NDN (-300), VCG (-300).

Nhóm cổ phiếu trong rổ HNX-30 suy yếu khá mạnh với 24 mã giảm, 5 mã tăng và 1 mã đứng giá: NTP (-1.300), DBC (-400), VND (-200), ACB (-100), BCC (-400).

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HSX, nếu không tính giao dịch bán thỏa thuận 2,96 triệu đơn vị CII trị giá hơn 71,2 tỷ đồng thì khối ngoại vẫn tiếp tục mua ròng gần 71 tỷ đồng phiên ngày hôm nay. FLC dẫn đầu về khối lượng mua ròng với gần 1,8 triệu đơn vị. HAG cũng được mua ròng trên 1 triệu đơn vị. SSI và HPG cùng được mua ròng trên 900 nghìn đơn vị mỗi mã. Chiều ngược lại, VIC dẫn đầu về khối lượng bán ròng với trên 486 nghìn đơn vị. SHI và VNM cũng bị bán ròng lần lượt hơn 471 nghìn và 234 nghìn đơn vị.

Trên HNX, khối ngoại có phiên mua ròng liên tiếp thứ 14, giá trị mua ròng đạt gần 28 tỷ đồng. SCR dẫn đầu về khối lượng mua ròng với trên 1,6 triệu đơn vị. SHB và PVS cũng được mua ròng nhẹ lần lượt hơn 370 nghìn và 363 nghìn đơn vị. Chiều ngược lại, NDN dẫn đầu về khối lượng bán ròng với trên 336 nghìn đơn vị. HUT và KLS cũng bị bán ròng lần lượt hơn 271 nghìn và 225 nghìn đơn vị.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



Chỉ số hiện tại đã cắt xuống dưới đường middle của bollinger bands. Một số chỉ báo kỹ thuật như RSI, MACD cho tín hiệu đảo chiều giảm trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo nằm ở đường MA50, tương đương với khoảng 566 điểm.

HNX-Index:



Chỉ số cũng giảm mạnh và rơi khỏi ngưỡng 80 điểm trong phiên này. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên cuối tuần trước. Một số chỉ báo như RSI, MACD tiếp tục cho tín hiệu giảm co. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo nằm ở MA50, tương đương với khoảng 79,08 điểm.



TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Vàng SJC quay đầu giảm

Giá vàng miếng SJC được giao dịch ở ngưỡng 33,08 - 33,33 triệu đồng/lượng mua vào và bán ra, giảm 20 nghìn đồng/lượng ở chiều mua và 70 ngàn đồng/lượng ở chiều bán.

Tỷ giá trung tâm giảm

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm của VNĐ với USD ở mức 21,855 VNĐ/USD, giảm 6 đồng so với ngày 15/04.

TIN TỨC NGÀNH

Giá dầu giảm phiên thứ 4 liên tiếp

Kết thúc phiên giao dịch, giá dầu WTI giảm 58 cent, tương ứng 1,4%, xuống 39,78 USD/thùng. Giá dầu Brent giảm 19 cent, tương đương 0,4%, xuống 42,91 USD/thùng.

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Dow Jones lên cao nhất 9 tháng

Chốt phiên, chỉ số Dow Jones tăng 107 điểm, tương ứng 0,6%, lên 18.004 điểm, chỉ số S&P 500 tăng 0,65% lên 2.094,34 điểm và chỉ số Nasdaq Composite tăng 0,44% lên 4.960,02 điểm.

USD suy yếu

USD giảm giá so với hầu hết các đồng tiền khi tác động sau thất bại của các nước sản xuất dầu thô tại phiên họp Doha giảm xuống. Chỉ số Đôla ICE đã giảm 0,22% xuống 94,486 điểm.

Giá vàng ổn định khi USD suy yếu

Kết thúc phiên giao dịch, hợp đồng vàng giao tháng 6 tăng 40 cent, tương ứng 0,03%, lên 1.235 USD/ounce. Cũng trong ngày, hợp đồng vàng giao ngay giảm 0,02% xuống 1.233,35 USD/ounce.



KẾT QUẢ KINH DOANH

HDC: Kế hoạch lãi 2016 gần 67 tỷ

CTCP PT Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu đã thông qua kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu doanh thu 512 tỷ đồng, lãi trước thuế 66.7 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 17% và 10% so với kết quả 2015.

OCH: Kế hoạch lãi trước thuế 2016 gần 60 tỷ đồng

HĐQT OCH dự kiến sẽ trình cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2016 với doanh thu và lãi trước thuế lần lượt là 1,153.8 tỷ và 60 tỷ đồng, tăng 27% và 19% so với thực hiện năm 2015.

VGP: Quý I lãi ròng đạt 2.5 tỷ

Theo đó, CTCP Cảng Rau Quả công bố BCTC quý 1/2016 với doanh thu 11.4 tỷ đồng, giảm 37%; lãi ròng gấp 2.5 lần đạt 2.5 tỷ đồng.

TBC: Kế hoạch lợi nhuận 2016 đạt 16 tỷ

Cụ thể, CTCP Thủy điện Thác Bà đề ra kế hoạch doanh thu nhích nhẹ lên mức 274 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ước giảm gần 10% còn 130 tỷ.

VHL: Quý 1 lãi ròng gần 25 tỷ đồng

Theo BCTC hợp nhất quý 1/2016, doanh thu đạt 410.8 tỷ đồng, tăng 14% và lợi nhuận sau thuế đạt 24.6 tỷ đồng, tăng 20% so với quý 1/2015.

CLC: Kế hoạch lãi 2016 đạt 80 tỷ đồng

CTCP Cát Lợi đã thông qua kế hoạch trong năm với doanh thu ước giảm nhẹ 4% đạt 1,695 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 80 tỷ đồng và dự chi cổ tức tỷ lệ 25%.

BID: Kế hoạch lợi nhuận 2016 giảm xuống 7,900 tỷ đồng

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV dự kiến đạt 7,900 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, giảm nhẹ so với 7,949 tỷ đồng thực hiện năm 2015.

TIN DOANH NGHIỆP

DIG: Kế hoạch giảm vốn đầu tư ra ngoài

Theo đó, định hướng giai đoạn 2015-2017 sẽ thoái vốn các doanh nghiệp mà DIG không nắm giữ cổ phần chi phối để giảm đầu tư ra bên ngoài từ 1,300 tỷ xuống còn 600 tỷ đồng

TIN TỨC KHÁC

TV2: Cổ tức 2015 tỷ lệ 25%

Theo đó, tại Đại hội, cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 25%, trong đó 15% bằng cp và 10% bằng tiền mặt.

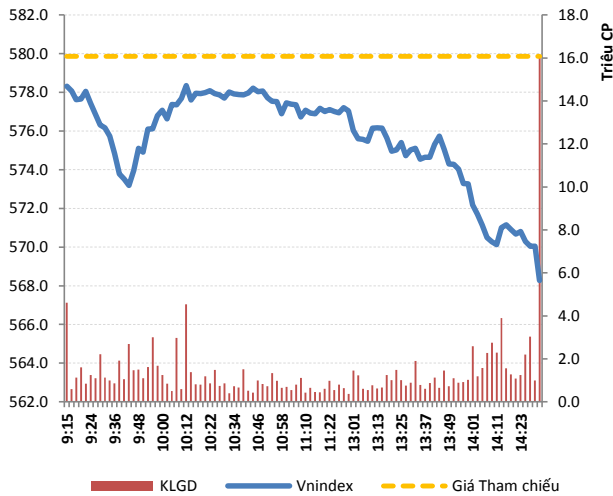
PPC dự kiến cổ tức 25% bằng tiền năm 2015

Theo đó, HĐQT đề xuất chia cổ tức 25%/vốn bằng tiền năm 2015, tương đương mức chi trả 795,4 tỷ đồng. Với năm 2016, HĐQT dự kiến mức cổ tức 17%/vốn.

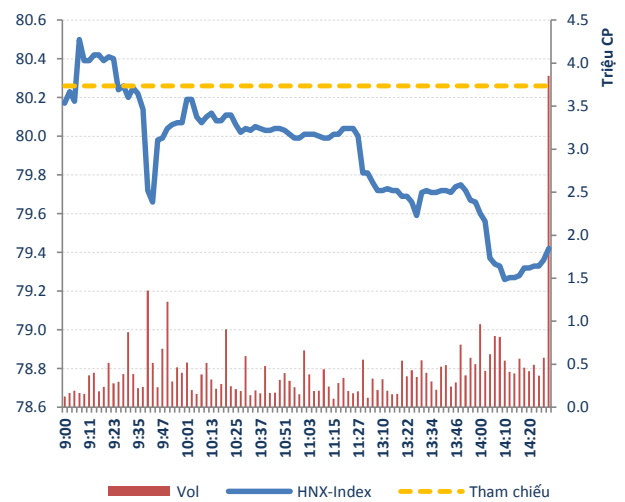


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

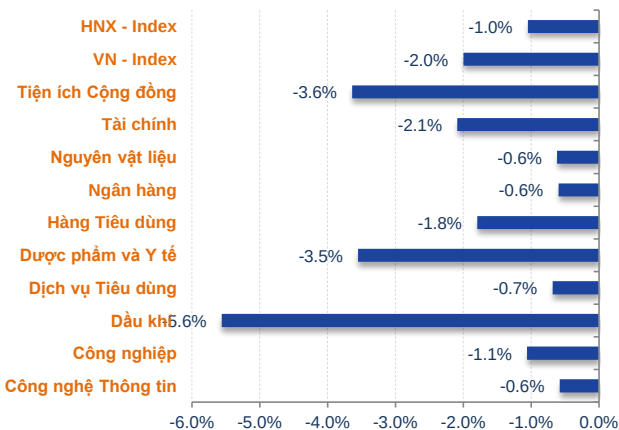
KLGD và VN-Index trong phiên



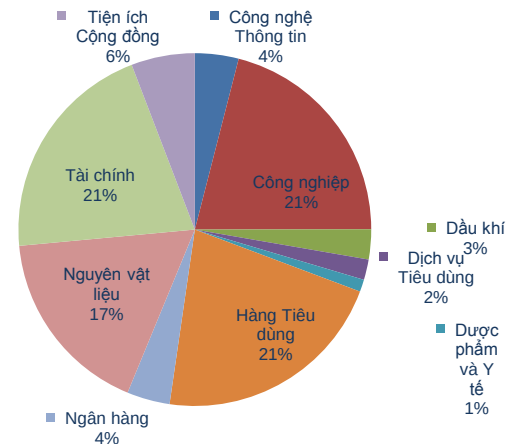
KLGD và HNX-Index trong phiên



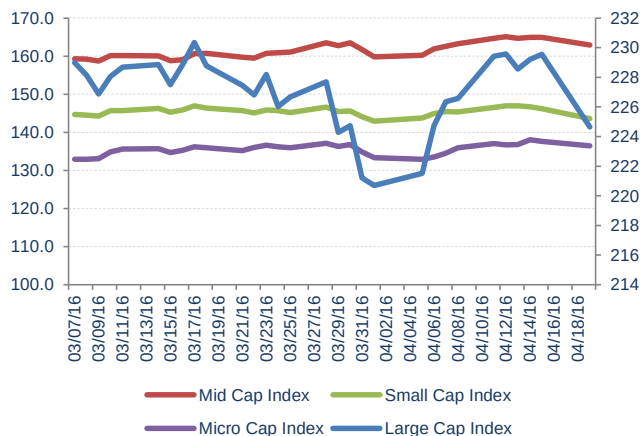
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



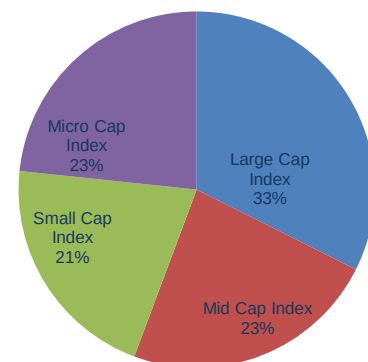
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FLC	1,787,030	CII	3,022,990
2	HAG	1,005,220	VIC	486,580
3	SSI	947,790	SHI	471,810
4	HPG	913,270	VNM	234,340
5	E1VFN30	700,120	VNS	182,190

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SCR	1,622,700	NDN	336,800
2	SHB	370,960	HUT	271,100
3	PVS	363,400	KLS	225,000
4	SHN	191,300	V12	30,000
5	KLF	182,000	CMS	22,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAI	5.2	4.9	↓ -5.77%	6,768,750
FLC	6.5	6.4	↓ -1.54%	6,092,640
SAM	9.6	9.5	↓ -1.04%	5,665,270
CII	24.9	24.4	↓ -2.01%	5,186,110
VHG	5.7	5.5	↓ -3.51%	4,421,360

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PV2	2.1	2.2	↑ 4.76%	10,377,600
SHB	6.5	6.4	↓ -1.54%	5,246,225
SCR	8.9	9.0	↑ 1.12%	2,599,072
KLS	9.1	9.2	↑ 1.10%	2,278,860
KHB	5.0	5.0	→ 0.00%	2,128,900

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DCL	20.0	21.4	1.4	↑ 7.00%
TTF	25.6	27.3	1.7	↑ 6.64%
TMP	27.5	29.3	1.8	↑ 6.55%
AGM	12.6	13.4	0.8	↑ 6.35%
ATA	6.3	6.7	0.4	↑ 6.35%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CKV	16.0	17.6	1.6	↑ 10.00%
PTD	25.0	27.5	2.5	↑ 10.00%
VTC	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
PCN	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
CAN	25.2	27.7	2.5	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSS	1.2	1.1	-0.1	↓ -8.33%
VNH	1.2	1.1	-0.1	↓ -8.33%
SAV	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
DAT	38.8	36.1	-2.7	↓ -6.96%
EVE	47.5	44.2	-3.3	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHL	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%
SPI	6.3	5.7	-0.6	↓ -9.52%
VC6	9.5	8.6	-0.9	↓ -9.47%
MPT	15.9	14.4	-1.5	↓ -9.43%
SDU	12.8	11.6	-1.2	↓ -9.38%

(*) Giá điều chỉnh

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAI	6,768,750	7.5%	600	8.2	0.4
FLC	6,092,640	17.8%	1,806	3.5	0.5
SAM	5,665,270	2.3%	315	30.1	0.7
CII	5,186,110	17.1%	2,942	8.3	1.6
VHG	4,421,360	5.6%	716	7.7	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PV2	10,377,600	0.2%	13	170.4	0.4
SHB	5,246,225	7.5%	856	7.5	0.5
SCR	2,599,072	7.4%	1,136	7.9	0.6
KLS	2,278,860	-2.9%	(375)	-	0.8
KHB	2,128,900	0.6%	57	87.1	0.5

Top Độ biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DCL	↑ 7.0%	13.9%	1,741	12.3	0.8
TTF	↑ 6.6%	12.6%	1,458	18.7	2.2
TMP	↑ 6.5%	19.7%	2,985	9.8	1.9
AGM	↑ 6.3%	13.0%	2,602	5.1	0.6
ATA	↑ 6.3%	-40.7%	(4,000)	-	0.9

Top Độ biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CKV	↑ 10.0%	5.2%	1,088	16.2	0.8
PTD	↑ 10.0%	21.1%	4,202	6.5	1.4
VTC	↑ 10.0%	11.7%	1,696	4.5	0.6
PCN	↑ 10.0%	6.5%	725	7.6	0.5
CAN	↑ 9.9%	11.6%	2,744	10.1	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	1,787,030	17.8%	1,806	3.5	0.5
HAG	1,005,220	3.3%	636	10.5	0.4
SSI	947,790	13.6%	1,807	11.8	1.5
HPG	913,270	26.5%	4,758	6.5	1.6
11VFVN3	700,120	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	1,622,700	7.4%	1,136	7.9	0.6
SHB	370,960	7.5%	856	7.5	0.5
PVS	363,400	14.3%	3,397	4.7	0.7
SHN	191,300	149.1%	9,131	1.3	1.1
KLF	182,000	2.7%	283	12.0	0.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	166,819	38.3%	6,477	21.5	8.1
VCB	112,997	12.0%	1,994	21.3	2.5
VIC	96,411	4.2%	657	75.7	4.0
GAS	84,761	21.6%	4,498	9.8	2.0
CTG	59,574	10.3%	1,530	10.5	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,954	8.2%	1,146	15.5	1.2
SQC	8,691	-9.7%	(860)	-	9.6
PHP	7,389	9.7%	1,168	19.3	1.9
PVS	7,058	14.3%	3,397	4.7	0.7
SHB	6,068	7.5%	856	7.5	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BGM	2.18	2.0%	175	16.0	0.3
GAS	2.15	21.6%	4,498	9.8	2.0
C32	2.08	34.6%	9,043	5.6	1.8
JVC	1.99	-42.8%	(4,326)	-	0.4
BIC	1.98	7.7%	1,373	15.2	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PIV	4.32	39.9%	2,015	5.5	1.0
HHG	3.90	19.2%	1,805	4.5	0.7
SDC	3.33	2.1%	446	27.6	0.6
NDF	3.10	0.1%	14	287.8	0.4
VMI	3.03	13.8%	1,618	4.1	0.6



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Xuân Bách
bach.tx@shs.com.vn

Chuyên viên: Đoàn Trọng Hiếu
hieu.dt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
